UBND TỈNH THANH HOÁ **SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 569 /QĐ-SGTVT	*Thanh Hoá, ngày 04 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải vi phạm tốc độ chạy xe

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THANH HOÁ

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ kết quả tổng hợp, phân tích tình hình vi phạm trích xuất từ Hệ thống xử lý dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình (GSHT) thuộc Cục Đường bộ Việt Nam trong tháng 4/2023;

Căn cứ Công văn số 3332/SGTVT-QLVT ngày 12/6/2023 của Sở GTVT về việc yêu cầu, khẩn trương, báo cáo, giải trình phương tiện vi phạm tốc độ từ 05 lần/1000 km xe chạy tháng 4/2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi phù hiệu đối với 198 phương tiện kinh doanh vận tải thuộc 94 đơn vị kinh doanh vận tải do vi phạm theo quy định tại điểm b, khoản 10, Điều 22 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Cụ thể: có từ 05 lần vi phạm tốc độ/1000 km xe chạy *(không tính các trường hợp vi phạm tốc độ từ 05 km/h trở xuống)* trong tháng 4/2023. *(Có danh sách kèm theo).*

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Yêu cầu các đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện vi phạm tại Điều 1 Quyết định:

- Có trách nhiệm nộp lại phù hiệu về Sở GTVT Thanh Hoá *(qua Phòng Quản lý vận tải)* trong vòng 07 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực; không được sử dụng phương tiện bị thu hồi phù hiệu để tham gia hoạt động kinh doanh vận tải trong thời gian bị thu hồi phù hiệu.

- Tổ chức kiểm điểm, chấn chỉnh công tác quản lý hoạt động của bộ phận theo dõi an toàn giao thông; yêu cầu đội ngũ lái xe nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về tốc độ và thời gian lái xe; thường xuyên kiểm tra thiết bị giám sát hành trình để đảm bảo duy trì tình trạng kỹ thuật tốt, hoạt động liên tục và truyền dẫn dữ liệu theo quy định.

2. Thanh tra Sở GTVT chủ trì, phối hợp với Phòng Quản lý Vận tải kiểm tra, xử lý nghiêm đối với các đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện vi phạm nhưng cố tình không chấp hành giao nộp lại phù hiệu theo quy định; giám sát, kiểm tra phương tiện và xử lý nghiêm đối với trường hợp cố tình sử dụng các phù hiệu nêu trên để hoạt động kinh doanh vận tải.

3. Phòng Quản lý vận tải có trách nhiệm giám sát việc thực hiện của các đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện vi phạm nói trên đồng thời tiếp tục theo dõi hoạt động của các phương tiện kinh doanh vận tải thông qua hệ thống GSHT của Cục Đường bộ Việt Nam; tham mưu cho Giám đốc Sở xử lý theo quy định đối với phương tiện, đơn vị kinh doanh vận tải vi phạm.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng Phòng Quản lý Vận tải, Chánh Thanh tra Sở GTVT; các đơn vị kinh doanh vận tải có phương tiện vi phạm và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- UBND tỉnh
- Cục Đường bộ Việt Nam (để báo cáo);
- Sở GTVT các tỉnh, TP (để phối hợp);
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Phòng CSGT-Công an tỉnh Thanh Hoá
- Phòng CSGT-Công an các tỉnh, TP (để phối hợp);
- Công an các huyện, TX, TP
- Các bến xe khách (để thực hiện);
- Văn phòng Sở (để đăng tin);
- Lưu: VT, QLVT (100b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỈNH THANH HOÁ

Lại Thế Khái

DANH SÁCH PHƯƠNG TIỆN VI PHẠM TỐC ĐỘ TỪ 5 LẦN /1000 KM XE CHẠY
TỪ NGÀY 01/4/2023 ĐẾN NGÀY 30/4/2023

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGTVT ngày /6/2023 của Sở GTVT Thanh Hoá)

STT	Biển kiểm soát	Loại hình	Đơn vị vận tải	Vi phạm tốc độ		Tổng km hành trình
				Lần	/1000 Km	
1	36C15904	Xe tải	BÙI ĐỨC THỊNH	57	14,33388	3.976,59
2	29H70950	Xe đầu kéo	BÙI VĂN QUANG	60	8,82771	6.796,78
3	36H00488	Xe đầu kéo	BÙI VĂN QUANG	28	7,38097	3.793,54
4	50LD10171	Xe hợp đồng	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MAI LINH - WILLER TẠI THANH HÓA	26	5,18424	5.015,20
5	36C22466	Xe đầu kéo	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI SƠN VŨ	37	7,48734	4.941,67
6	36H05579	Xe đầu kéo	CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUYNEL TRƯỜNG LÂM THANH HOÁ	222	65,74813	3.376,52
7	36B02800	Xe hợp đồng	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MIỀN NÚI	31	5,52907	5.606,72
8	36A36979	Xe taxi	CÔNG TY CỔ PHẦN TAXI BẮC TRUNG NAM THANH HOÁ	71	7,95776	8.922,11
9	36H03850	Xe tải	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG DƯƠNG ĐỨC	22	7,24246	3.037,64
10	36F00032	Xe tuyến cố định	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ANH HÀO	69	6,85202	10.070,02
11	36B01638	Xe hợp đồng	CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ANH HÀO	14	5,93479	2.358,97
12	36B02088	Xe tuyến cố định	CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ KHAI THÁC KHOÁNG SẢN XUÂN HÒA	113	6,81507	16.580,89
13	36H04492	Xe đầu kéo	CÔNG TY CPDVTM QUANG PHÁT	406	38,87300	10.444,27
14	36C12623	Xe đầu kéo	CÔNG TY CPDVTM QUANG PHÁT	211	20,48947	10.297,97
15	36H04433	Xe đầu kéo	CÔNG TY CPDVTM QUANG PHÁT	104	13,28186	7.830,23

16	36C09922	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BÌNH MINH	132	28,31746	4.661,44
17	36B02586	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI TRƯỜNG HẰNG	179	13,19686	13.563,83
18	36B03083	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI TRƯỜNG HẰNG	24	16,25794	1.476,20
19	36B02809	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI TRƯỜNG HẰNG	18	6,00543	2.997,29
20	36B01406	Xe trung chuyển	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI TRƯỜNG HẰNG	7	5,11556	1.368,38
21	36B02368	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI HÙNG THẮNG	182	13,24312	13.742,98
22	36B02479	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI HÙNG THẮNG	116	9,67097	11.994,66
23	36B02590	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI HÙNG THẮNG	103	7,30031	14.108,99
24	36B02439	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI HÙNG THẮNG	87	7,63065	11.401,39
25	36F00443	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH ĐOÀN THUÝ NGHI SƠN	78	5,78812	13.475,87
26	36F00389	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH ĐOÀN THUÝ NGHI SƠN	9	5,10079	1.764,43
27	36B02683	Xe trung chuyển	CÔNG TY TNHH DU LỊCH&VẬN TẢI VÂN ANH	95	9,89190	9.603,82
28	36B02986	Xe trung chuyển	CÔNG TY TNHH DU LỊCH&VẬN TẢI VÂN ANH	79	7,50217	10.530,29
29	36B02642	Xe trung chuyển	CÔNG TY TNHH DU LỊCH&VẬN TẢI VÂN ANH	63	7,97426	7.900,42
30	36B02604	Xe trung chuyển	CÔNG TY TNHH DU LỊCH&VẬN TẢI VÂN ANH	45	5,55888	8.095,16
31	36B02598	Xe trung chuyển	CÔNG TY TNHH DU LỊCH&VẬN TẢI VÂN ANH	43	5,18240	8.297,31
32	36B02603	Xe trung chuyển	CÔNG TY TNHH DU LỊCH&VẬN TẢI VÂN ANH	34	5,31775	6.393,68
33	15C14666	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH DV&TM HOÀNG HÀ	25	9,00069	2.777,56
34	15H00682	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH DV&TM HOÀNG HÀ	20	8,43053	2.372,33
35	36F00818	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH DV&TM TND	70	32,03114	2.185,37
36	36C10650	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH HOÀNG HÀ SƠN	57	7,88793	7.226,23
37	36C28512	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH HOÀNG HÀ SƠN	19	8,96801	2.118,64
38	36H05394	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH LÂM THANH HƯNG	22	14,07860	1.562,66

39	36F00385	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH LINH THÔNG	31	6,76293	4.583,82
40	36C26710	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH LONG HƯỜNG	71	9,27716	7.653,21
41	36H03208	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH LONG HƯỜNG	59	13,48756	4.374,40
42	36C10557	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH LONG HƯỜNG	35	6,79684	5.149,45
43	36H04430	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH LONG HƯỜNG	31	14,43755	2.147,18
44	36H04716	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH LUẬN THÊU	11	7,84652	1.401,90
45	36B02549	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH LÝ THẢO	132	7,63194	17.295,73
46	36A15465	Xe taxi	CÔNG TY TNHH MAI LINH THANH HÓA	21	5,04414	4.163,24
47	36E00211	Xe taxi	CÔNG TY TNHH MAI LINH THANH HÓA	20	8,10350	2.468,07
48	36E00141	Xe taxi	CÔNG TY TNHH MAI LINH THANH HÓA	14	5,22626	2.678,78
49	36B03668	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH MINH LONG	52	10,34714	5.025,54
50	36H01024	Xe Container	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỨC TOÀN - HẢI HÀ	53	28,78253	1.841,39
51	36C10807	Xe Container	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỨC TOÀN - HẢI HÀ	50	7,76751	6.437,07
52	36C18392	Xe Container	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỨC TOÀN - HẢI HÀ	44	6,46968	6.800,95
53	36C27790	Xe Container	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỨC TOÀN - HẢI HÀ	29	6,29220	4.608,88
54	36C27945	Xe Container	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỨC TOÀN - HẢI HÀ	28	5,34514	5.238,40
55	36C10501	Xe Container	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỨC TOÀN - HẢI HÀ	12	5,48480	2.187,86
56	36C10309	Xe Container	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỨC TOÀN - HẢI HÀ	10	7,41249	1.349,07
57	36C27970	Xe Container	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỨC TOÀN - HẢI HÀ	9	5,78350	1.556,15
58	36B03552	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SVT	297	12,30314	24.140,19
59	36B03672	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SVT	186	6,59256	28.213,61
60	36B03530	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SVT	156	14,91840	10.456,89
61	36C26479	Xe Container	CÔNG TY TNHH MTV TÂN THÀNH 9	31	8,32892	3.721,97
62	36H06067	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH Ô TÔ HOÀNG GIANG	61	6,48155	9.411,34

63	36C11742	Xe Container	CÔNG TY TNHH PHÚ QUÝ -HẢI HÀ	43	7,48517	5.744,70
64	36H00317	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH QUANG SÂM	236	34,51677	6.837,26
65	36H01953	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH QUANG SÂM	174	49,09576	3.544,09
66	36H01765	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH QUANG SÂM	130	18,22349	7.133,65
67	36C27988	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH QUANG SÂM	126	14,25861	8.836,77
68	36H00384	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH QUANG SÂM	125	15,82265	7.900,07
69	36C32712	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH QUANG SÂM	105	15,88285	6.610,90
70	36H02434	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH QUANG SÂM	61	20,40585	2.989,34
71	36H00958	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH QUANG SÂM	54	7,96653	6.778,36
72	36H03625	Xe tải	CÔNG TY TNHH QUANG SÂM	43	10,91911	3.938,05
73	36H03673	Xe tải	CÔNG TY TNHH QUANG SÂM	31	8,66417	3.577,95
74	36H02674	Xe tải	CÔNG TY TNHH QUANG SÂM	26	8,00273	3.248,89
75	36C29252	Xe tải	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TM LONG PHÚ	33	7,09083	4.653,90
76	36C31669	Xe tải	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT TM LONG PHÚ	28	7,63391	3.667,85
77	36C32313	Xe tải	CÔNG TY TNHH SONG VŨ	6	6,00000	621,56
78	36C31168	Xe tải	CÔNG TY TNHH SX&XNK THANH TÂM	60	7,87919	7.615,00
79	36C18988	Xe Container	CÔNG TY TNHH THANH LAM	58	9,67336	5.995,85
80	36H04402	Xe tải	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DU LỊCH THANH QUÂN	7	7,00000	768,47
81	36F00885	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐỨC PHÁT THANH HOÁ	496	24,18079	20.512,15
82	36F00334	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐỨC PHÁT THANH HOÁ	36	7,41135	4.857,41
83	36F00328	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ ĐỨC PHÁT THANH HOÁ	13	5,79417	2.243,63
84	36F00101	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG PHƯƠNG	443	23,83037	18.589,72
85	36F00149	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG PHƯƠNG	338	16,05855	21.047,97

86	36B02393	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG PHƯƠNG	262	16,91839	15.486,11
87	36B02569	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG PHƯƠNG	239	10,61910	22.506,61
88	36B02599	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG PHƯƠNG	227	16,31554	13.913,12
89	36B02713	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG PHƯƠNG	217	22,69817	9.560,24
90	36B02662	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG PHƯƠNG	164	8,02110	20.446,08
91	36B03012	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG PHƯƠNG	151	11,97482	12.609,79
92	36B02624	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG PHƯƠNG	93	5,31303	17.504,14
93	36B02055	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG PHƯƠNG	51	5,96210	8.554,03
94	36B02325	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HOÀNG PHƯƠNG	11	6,71555	1.637,99
95	36B03657	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI VĂN PHÚC	160	8,10974	19.729,36
96	36B02409	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI VĂN PHÚC	106	8,07602	13.125,27
97	36B01265	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI VĂN PHÚC	103	11,32982	9.091,05
98	36B03251	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI VĂN PHÚC	101	6,84873	14.747,27
99	36F00327	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI VĂN PHÚC	89	7,90140	11.263,83
100	36F00561	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI LONG THU	168	9,01190	18.642,03
101	36F00361	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬN TẢI VÀ DU LỊCH THỦY TIÊN	62	8,44029	7.345,72
102	36B03132	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH TIẾN HÙNG	295	16,06160	18.366,78
103	36B03486	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH TIẾN HÙNG	144	9,07277	15.871,67
104	36H04414	Xe tải	CÔNG TY TNHH TIÊN SINH	38	11,75593	3.232,41
105	36F00045	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH TM DLVT THẮNG THANH	324	13,73645	23.586,88
106	36B02480	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH TM DLVT THẮNG THANH	172	13,67874	12.574,26

107	36F00540	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH TM DLVT THẮNG THANH	158	8,82146	17.910,87
108	36B03556	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH TM DLVT THẮNG THANH	100	6,69794	14.929,97
109	36B02203	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH TM DLVT THẮNG THANH	86	7,72304	11.135,51
110	36C30568	Xe tải	CÔNG TY TNHH TM LAN SƠN	24	8,11415	2.957,80
111	36H05001	Xe tải	CÔNG TY TNHH TM LAN SƠN	18	5,70834	3.153,28
112	36C08325	Xe tải	CÔNG TY TNHH TM XUÂN LỘC	32	20,33482	1.573,66
113	36F00585	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH TM&VT AN DƯƠNG	422	31,08767	13.574,51
114	36B03395	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH TM&VT AN DƯƠNG	208	10,26828	20.256,56
115	36F00597	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH TM&VT AN DƯƠNG	187	23,42167	7.984,06
116	36B03674	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH TM&VT AN DƯƠNG	140	10,91863	12.822,12
117	36B03341	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH TM&VT AN DƯƠNG	59	12,86059	4.587,66
118	36C31348	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH TỔNG HỢP HẢI NAM	32	5,22503	6.124,36
119	36B02469	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH TUẤN THÀNH	711	29,88831	23.788,56
120	36B03002	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH TUẤN THÀNH	37	7,88824	4.690,53
121	36B02558	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH TUẤN THÀNH	27	16,31072	1.655,35
122	36B00235	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI DU LỊCH THƯƠNG MẠI HẢI HIỀN	53	17,16462	3.087,75
123	36B02483	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ANH KẾT	377	16,61993	22.683,61
124	36B02789	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ANH KẾT	121	10,54272	11.477,12
125	36B03799	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ANH KẾT	92	7,23070	12.723,53
126	36B03265	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ THƯƠNG MẠI DU LỊCH HẢI ĐỊNH	239	17,88267	13.364,90
127	36B02730	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ THƯƠNG MẠI DU LỊCH HẢI ĐỊNH	161	7,52011	21.409,27
128	36B02930	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ THƯƠNG MẠI DU LỊCH HẢI ĐỊNH	156	11,16906	13.967,16
129	36B02376	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ THƯƠNG MẠI DU LỊCH HẢI ĐỊNH	137	7,23155	18.944,78

130	36F00091	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ THƯƠNG MẠI DU LỊCH HẢI ĐỊNH	80	5,78002	13.840,78
131	36B01600	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ THƯƠNG MẠI DU LỊCH HẢI ĐỊNH	79	5,37859	14.687,88
132	36B02270	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ THƯƠNG MẠI DU LỊCH THỌ MƯỜI	124	10,32098	12.014,36
133	36B02517	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ THƯƠNG MẠI DU LỊCH THỌ MƯỜI	105	6,65028	15.788,80
134	36F00926	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI QUỐC TẾ ĐỨC PHÁT	268	13,14001	20.395,72
135	36F00919	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI QUỐC TẾ ĐỨC PHÁT	197	16,65055	11.831,44
136	36F00929	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI QUỐC TẾ ĐỨC PHÁT	112	15,84241	7.069,63
137	36F00859	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI QUỐC TẾ ĐỨC PHÁT	107	19,14901	5.587,76
138	36B02578	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI TÙNG LÂM	118	7,29737	16.170,22
139	36B03577	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ DU LỊCH HẢI HẠNH	14	10,68579	1.310,15
140	36B03197	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VĨNH QUANG	44	6,38466	6.891,51
141	36H00902	Xe tải	CÔNG TY TNHH VT&DV TM TÀI ANH	31	5,46048	5.677,16
142	36B01868	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VT&TM KHIÊM OANH	113	8,46395	13.350,74
143	36F00090	Xe hợp đồng	CÔNG TY TNHH VT&TM KHIÊM OANH	7	7,00000	844,20
144	36B02728	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VTTM&DL ANH TUYÊN	95	7,75944	12.243,15
145	36B00284	Xe tuyến cố định	CÔNG TY TNHH VTTM&DL ANH TUYÊN	55	6,46922	8.501,80
146	36C23710	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH VT-XD TUẤN MẠNH	58	7,83517	7.402,52
147	36C24499	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH XD VẬN TẢI NGỌC NGUYÊN	174	43,80221	3.972,40
148	36C20299	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH XD VẬN TẢI NGỌC NGUYÊN	64	36,87794	1.735,45
149	36C18389	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH XD VẬN TẢI NGỌC NGUYÊN	46	31,41723	1.464,16
150	36C23899	Xe đầu kéo	CÔNG TY TNHH XD VẬN TẢI NGỌC NGUYÊN	16	16,00000	557,89
151	36H01328	Xe đầu kéo	CTY TNHH BÌNH MINH	52	5,95597	8.730,74
152	36B02929	Xe hợp đồng	CTY TNHH DVVTDV&TM THÁI DƯƠNG	24	6,82353	3.517,24

153	36C34122	Xe tải	ĐỖ VĂN MƯỜI	11	10,23742	1.074,49
154	36H05879	Xe tải	ĐỖ VIẾT THÀNH	22	10,63540	2.068,56
155	36F00264	Xe hợp đồng	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CẢNH TÂM	249	26,45384	9.412,62
156	36C09360	Xe đầu kéo	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN HIẾU PHƯƠNG	52	11,67226	4.455,01
157	36H03358	Xe tải	HÀN MINH CHIẾN	102	19,76805	5.159,84
158	36B02486	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI THĂNG LONG	383	23,94617	15.994,21
159	36B02989	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI THĂNG LONG	289	18,13415	15.936,78
160	36B03671	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI THĂNG LONG	176	11,18835	15.730,65
161	36B03315	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI THĂNG LONG	137	9,45123	14.495,46
162	36B02689	Xe tuyến cố định	HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI THĂNG LONG	88	6,68931	13.155,31
163	36B02679	Xe hợp đồng	HTX DỊCH VỤ VẬN TẢI TIẾN PHƯƠNG	9	8,09988	1.111,13
164	36B01909	Xe tuyến cố định	HTX DỊCH VỤ VẬN TẢI TIẾN PHƯƠNG	6	6,00000	823,17
165	36C25498	Xe đầu kéo	HTX TMDV&VT BÌNH MINH	12	7,45212	1.610,28
166	36B02566	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI HÀNH KHÁCH THANH HOA	110	5,27764	20.842,66
167	36B02567	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI HÀNH KHÁCH THANH HOA	98	11,26786	8.697,31
168	36B01874	Xe hợp đồng	HTX VẬN TẢI HÀNH KHÁCH THANH HOA	94	6,40129	14.684,54
169	36B01853	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI HÀNH KHÁCH THANH HOA	7	5,73483	1.220,61
170	36F00497	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI QUANG TRUNG	232	11,51283	20.151,42
171	36F00494	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI QUANG TRUNG	126	7,31397	17.227,31
172	36F00484	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI QUANG TRUNG	95	6,79755	13.975,62
173	36F00480	Xe tuyến cố định	HTX VẬN TẢI QUANG TRUNG	75	5,61048	13.367,84
174	36F00196	Xe trung chuyển	HTX VẬN TẢI QUANG TRUNG	45	5,75564	7.818,41
175	36F00797	Xe tuyến cố định	HTX VT TẤN THÀNH	292	23,78824	12.274,97
176	36B01569	Xe tuyến cố định	HTX VT TẤN THÀNH	64	6,61248	9.678,66

177	36B00869	Xe tuyến cố định	HTX VT TẤN THÀNH	14	5,49212	2.549,11
178	36B02808	Xe tuyến cố định	HTX VT TẤN THÀNH	7	7,00000	533,62
179	36C29793	Xe tải	LẠI THANH SƠN	149	5,80139	25.683,49
180	36H04819	Xe đầu kéo	LÊ CÔNG BA	36	6,48261	5.553,32
181	36C28653	Xe tải	LÊ CÔNG BA	32	5,01065	6.386,40
182	36F00469	Xe hợp đồng	LÊ KỲ HOÀI	47	6,57878	7.144,18
183	36B02301	Xe hợp đồng	LÊ VĂN KHỞI	38	8,20108	4.633,54
184	36H06572	Xe đầu kéo	LƯU NGỌC ĐỊNH	59	9,38066	6.289,54
185	36C25738	Xe đầu kéo	MẠCH VĂN LÂM	30	10,24126	2.929,33
186	36C29926	Xe tải	NGUYỄN THỊ KHUYÊN	327	11,49469	28.447,91
187	36C11894	Xe tải	NGUYỄN VĂN CHÂU	18	18,00000	809,48
188	36C24388	Xe tải	NGUYỄN VĂN QUÂN	10	5,45818	1.832,11
189	36H05436	Xe đầu kéo	NGUYỄN VĂN THẮNG	158	71,57818	2.207,38
190	36H01005	Xe đầu kéo	NGUYỄN VĂN THẮNG	23	23,00000	488,41
191	36H02105	Xe đầu kéo	NGUYỄN VĂN THANH	65	7,11297	9.138,24
192	36H01448	Xe tải	NGUYỄN VĂN THIỆN	19	7,86277	2.416,45
193	36H02537	Xe đầu kéo	NGUYỄN XUÂN DUY	17	17,00000	872,04
194	36F00705	Xe hợp đồng	PHẠM VIỆT CƯỜNG	140	20,29389	6.898,63
195	36B03327	Xe hợp đồng	TÀO NGỌC SƠN	13	6,67241	1.948,32
196	36H05455	Xe đầu kéo	TÔ THANH HẢI	127	15,00188	8.465,60
197	36C32606	Xe tải	TRẦN THỊ THỦY	34	5,94206	5.721,92
198	36C33159	Xe tải	TRỊNH VĂN HÙNG	25	5,25425	4.758,05